

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

**TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VI**

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ  
ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**Thành phố Hồ Chí Minh - năm 2022**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VI

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ  
ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH  
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

**Ngành:** *Luật Kinh tế*

**Mã số:** 62380107

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**Thành phố Hồ Chí Minh - năm 2022**

Công trình được hoàn thành tại: **Trường Đại học Kinh tế - Luật –  
ĐHQGTPHCM**

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Nguyễn Đình Huy

2. TS. Phạm Kim Anh

Phản biện độc lập 1: .....

Phản biện độc lập 2: .....

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3: .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án họp tại

.....

.....

Vào lúc      giờ      ngày      tháng      năm 2022

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của luận án

Ngày nay, chúng ta sống trong một thế giới mà sự phát triển về thương mại hóa và đổi mới khoa học công nghệ sẽ là yếu tố quyết định đến nền kinh tế và khả năng cạnh tranh của các quốc gia. Tại Việt Nam, sau một thời gian các quy định pháp luật về QTG khi áp dụng lên CTMT hiện nay còn những tồn tại chưa thật sự khuyến khích sự phát triển thị trường phần mềm, cụ thể:

*Thứ nhất, các quy định điều chỉnh về phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT ở Việt Nam chưa phù hợp, chưa thúc đẩy sự phát triển CTMT.*

Những giá trị và lợi ích về kinh tế cũng như tinh thần mà việc bảo hộ quyền SHTT mang lại cho những nhà đầu tư. Nếu bảo hộ QTG không thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình thì nó sẽ trở thành rào cản hạn chế động lực nghiên cứu, sáng tạo, và ứng dụng các CTMT vào trong quá trình sinh hoạt, giải trí, thương mại. Các quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo hộ QTG đối với CTMT đã bộc lộ sự tụt hậu so với tốc độ phát triển của ngành công nghiệp này. Các quy định về quyền của các chủ thể chưa hợp lý, chưa gắn với đặc thù riêng cần điều chỉnh của CTMT như:

+ Xác định phạm vi các yếu tố bảo hộ QTG đối với CTMT chưa phù hợp trong trường hợp không có cách khác viết mã nguồn cho một chức năng dẫn đến việc bảo hộ như quy định hiện nay theo NCS là khá chặt so với pháp luật một số quốc gia có sự phát triển mạnh về công nghệ phần mềm và không phù hợp với đặc thù về kỹ thuật lập trình của CTMT.

+ Giới hạn QTG đối với tác phẩm còn bỏ sót trường hợp sử dụng lại mã nguồn để đảm bảo mục đích tạo sự tương tác cho các CTMT làm hạn chế việc tạo ra các ứng dụng chạy trên hệ điều hành hay các CTMT có khả năng tương tác với CTMT khác từ các nhà sản xuất khác nhau.

+ Quy định về quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm thuộc về tác giả không phù hợp với loại hình tác phẩm là mã nguồn, việc bảo hộ quyền này dành cho tác giả CTMT không đạt được mục đích của sự bảo hộ QTG là gắn liền nhân thân tác giả và sự biểu hiện của tác phẩm dẫn đến nguy cơ tranh chấp giữa tác giả và chủ sở hữu QTG đối với CTMT nếu hai bên không có thỏa thuận trước về vấn đề này và tác giả dùng quyền này để gây áp lực vì mục đích không thiện chí cho chủ sở hữu trong việc sửa đổi mã nguồn, khả năng gây cản trở cho sự phát triển của dự án phần mềm. Những quy định trên chưa phù hợp trên khiến cho các nhà phát triển CTMT Việt Nam chưa thể tận dụng được các nội dung không bảo hộ trong giới hạn

quyền- điều mà các nhà phát triển CTMT tại các quốc gia khác có thể thực hiện được để kế thừa phát triển CTMT mới cần phải được đánh giá và điều chỉnh lại trong bảo hộ QTG đối với CTMT tại Việt Nam.

*Thứ hai, việc thực thi QTG đối với CTMT tại Việt Nam vẫn còn yếu, tỷ lệ vi phạm cao ảnh hưởng đến sự hấp dẫn đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài cũng như niềm tin cho các doanh nghiệp phần mềm trong nước.*

Đã 14 năm từ khi chúng ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO, các hoạt động kinh tế xã hội của Việt Nam đều nằm trong sự quan sát của các nước thành viên và các tổ chức kinh doanh- thương mại quốc tế. Hoạt động bảo hộ QTG đối với CTMT cũng không ngoại lệ. Theo báo cáo thường niên lần thứ 9 của Liên minh các doanh nghiệp phần mềm (BSA) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDC) thì tỷ lệ vi phạm CTMT năm 2017 trên thế giới là 37% thì ở Việt Nam là 74%. Những số liệu trên có thể sẽ là một trong những nguồn tham khảo quan trọng về mức độ cơ hội và rủi ro cho các nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường CTMT tại Việt Nam. Kết quả của các nghiên cứu đó như lời cảnh báo cho Việt Nam cần phải chú trọng hơn nữa công tác bảo hộ QTG CTMT tại thị trường Việt Nam để đáp ứng nhu cầu của quá trình hội nhập kinh tế thế giới. Do vậy rất cần sự nghiên cứu và đánh giá toàn diện các yếu tố tác động vào quá trình thực thi, từ đó có những điều chỉnh pháp luật phù hợp để nâng cao hiệu quả thực thi QTG đối với CTMT.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

- **Mục đích nghiên cứu:** Mục đích của đề tài này là phát hiện những tồn tại trong hệ thống pháp luật và quá trình thực thi về bảo hộ QTG đối với CTMT hiện nay tại Việt Nam, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về để góp phần thúc đẩy sự phát triển về số lượng, chất lượng của các CTMT.

- **Nhiệm vụ nghiên cứu:** Để đạt được mục đích trên, luận án xác định thực hiện ba nhiệm vụ nghiên cứu chính như sau:

*Nhiệm vụ thứ nhất*, phân tích, làm rõ những ưu điểm nổi bật của cơ chế bảo hộ CTMT bằng QTG so với bảo hộ bằng cơ chế sáng chế hay bí mật kinh doanh. Từ đó, chỉ ra QTG là cơ chế bảo hộ quyền SHTT tối ưu dành cho CTMT hiện nay. Chỉ ra nội hàm của bảo hộ QTG đối với CTMT và những nội dung pháp lý cần được điều chỉnh để khuyến khích sự phát triển các CTMT; *Nhiệm vụ thứ hai*, xác định nội dung của phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT bao gồm phạm vi về các yếu tố được bảo hộ và phạm vi về giới hạn quyền bảo hộ. Từ đó kiến nghị hoàn thiện pháp

luật về phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT; *Nhiệm vụ thứ ba*, làm rõ thực tiễn thực thi QTG đối với CTMT tại Việt Nam thông qua các hành vi xâm phạm và các biện pháp bảo đảm thực thi, xác định các yếu tố tác động vào quá trình thực thi QTG đối với CTMT từ đó kiến nghị nâng cao hiệu quả thực thi QTG đối với CTMT.

### **3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

- **Đối tượng nghiên cứu:** Đề tài này có đối tượng nghiên cứu là các quy định của pháp luật về bảo hộ QTG đối với CTMT, cụ thể hơn là các quy phạm về xác định phạm vi bảo hộ quyền tác giả đối với CTMT và thực thi QTG đối với CTMT. Đây là vấn đề mà nếu có sự thay đổi thì sẽ góp phần tác động đến sự phát triển của thị trường phần mềm tại Việt Nam.

#### **- Phạm vi nghiên cứu:**

+ Phạm vi nghiên cứu về nội dung:

Tác giả chỉ giới hạn lại phạm vi nghiên cứu ở hai vấn đề là phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT và thực thi QTG đối với CTMT theo pháp luật Việt Nam vì phạm vi bảo hộ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định các hành vi xâm phạm và không bị xâm phạm QTG đối với CTMT, làm cơ sở cho việc thực hiện quyền của các chủ thể, hoạt động giám định, hoạt động giải quyết tranh chấp...; nghiên cứu về thực thi QTG đối với CTMT để thấy được thực trạng của việc bảo hộ QTG trong thực tiễn, nhằm bảo đảm việc bảo hộ QTG đối với CTMT được đi vào cuộc sống, có ý nghĩa trong thực tiễn.

+ Phạm vi nghiên cứu về văn bản điều chỉnh luật:

Luận án nghiên cứu các quy định của Hiến pháp 2013, Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi năm 2009, 2019), Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi năm 2017, Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định pháp luật khác có liên quan trực tiếp về bảo hộ quyền tác giả áp dụng lên CTMT.

+ Phạm vi nghiên cứu về thời gian và không gian:

Luận án nghiên cứu từ các quy phạm pháp luật về QTG áp dụng cho CTMT kể từ khi luật SHTT được ban hành cho đến thời điểm hiện tại để có góc nhìn toàn diện về vấn đề.

Luận án nghiên cứu quy định của pháp luật Việt Nam về QTG đối với CTMT áp dụng trên lãnh thổ Việt Nam, ngoài ra để minh chứng và cho các luận điểm đưa ra, luận án còn tham khảo pháp luật áp dụng tại một số quốc gia trên thế giới để từ đó rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc bảo hộ QTG đối với CTMT.

### **4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu**

Để thực hiện kế hoạch nghiên cứu, luận án dựa trên câu hỏi nghiên cứu tổng quát cho toàn luận án như sau: "*Bảo hộ QTG đối với CTMT nên được điều chỉnh như thế nào để khuyến khích việc phát triển các sản phẩm CTMT?*" Với câu hỏi nghiên cứu trên, luận án đưa ra giả thiết nghiên cứu lớn là CTMT cần được bảo hộ theo hướng xác định phạm vi bảo hộ quyền và nâng cao hiệu quả thực thi quyền. Dự kiến kết quả nghiên cứu chung là đưa ra các giới hạn xác định phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT và đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả thực thi dựa trên các yếu tố tác động vào hiệu quả thực thi. Từ câu hỏi tổng quát và giả thiết chung đó, luận án phải giải quyết những câu hỏi nghiên cứu sau:

### **Câu hỏi nghiên cứu tương ứng nội dung chương 2 luận án**

*\*Câu hỏi nghiên cứu 1:* Bảo hộ QTG đối với CTMT là gì? Bảo hộ QTG đối với CTMT so với các cơ chế bảo hộ quyền SHTT khác áp dụng cho CTMT như thế nào? Cần phải bảo hộ QTG đối với CTMT theo định hướng nào?

*\*Giả thuyết nghiên cứu 1:* (1) Bảo hộ QTG đối với CTMT là việc Nhà nước ban hành hệ thống các quy định nhằm xác lập và điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ pháp lý của tác giả, chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp QTG đối với CTMT, và bảo đảm thực thi các quy định đó trên thực tiễn. (2) Mỗi hình thức bảo hộ QTG, sáng chế và bí mật kinh doanh sẽ có các ưu và nhược điểm riêng khi áp dụng lên CTMT. (3) Bảo hộ QTG đối với CTMT với các quy định pháp luật hướng tới sự cân bằng lợi ích của các chủ thể để khuyến khích phát triển các sản phẩm CTMT.

*\*Dự kiến kết quả nghiên cứu 1:* (1) Xác định được khái niệm và nội hàm của bảo hộ QTG đối với CTMT; xác định được những đặc thù của CTMT so với các tác phẩm viết khác. (2) Làm rõ cơ chế bảo hộ bằng QTG vẫn là tối ưu cho CTMT hiện nay. (3) Xác định được hướng điều chỉnh các quy phạm về QTG đối với CTMT nên định hướng hài hòa lợi ích của các chủ thể trong quá trình bảo hộ.

### **Câu hỏi nghiên cứu tương ứng nội dung chương 3 luận án**

*Câu hỏi nghiên cứu 2:* Phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT bao gồm những nội dung gì? Cần xác định phạm vi bảo hộ QTG như thế nào để thúc đẩy phát triển các CTMT?

*Giả thuyết nghiên cứu liên quan đến câu hỏi 2:* (1) Phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT bao gồm những đối tượng được bảo hộ và những đối tượng không được bảo hộ QTG trong CTMT; những giới hạn phạm vi quyền tác giả đối với CTMT. (2) CTMT được tạo nên bởi hai yếu tố cơ bản đó là những yếu tố thuộc ý tưởng, chức năng, cấu trúc hoạt động; và yếu

tổ thuộc biểu hiện, diễn đạt như mã nguồn, mã máy, thuật toán, ngôn ngữ lập trình. (3) Trong điều kiện có nhiều cách viết mã để thể hiện một ý tưởng, một chức năng. (4) Trong điều kiện chỉ có một cách viết mã để thể hiện ý tưởng, chức năng của CTMT thì được xem là trường hợp hợp nhất. (5) Trường hợp sử dụng kỹ thuật dịch ngược CTMT để tìm ra đoạn mã nguồn được dùng vào mục đích nghiên cứu virus, tạo sự tương tác cho các CTMT. (6) Quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm không phù hợp với mục đích bảo hộ hình ảnh của tác giả CTMT.

**Dự kiến kết quả nghiên cứu 2:** (1) Xác định được trường hợp khi ý tưởng và chức năng của CTMT hợp nhất làm một thì không có cách thức khác để viết mã nguồn cho một chức năng của CTMT và đề xuất điều chỉnh pháp luật theo hướng xác định các đối tượng được bảo hộ, các đối tượng không được bảo hộ trong một CTMT. (2) Xác định được những trường hợp cần sử dụng mã để tạo sự tương tác cho các CTMT khác và đề xuất giới hạn quyền của chủ thể để tạo điều kiện cho các chủ thể khác sáng tạo, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh, lạm dụng bản quyền; Làm rõ quy định về quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm như luật hiện hành sẽ tác động đến thị trường phần mềm theo xu hướng kìm hãm sự phát triển thị trường phần mềm. Đề xuất pháp luật nên điều chỉnh theo hướng chuyển quyền bảo vệ sự toàn vẹn CTMT qua cho chủ sở hữu CTMT (nhà sản xuất, nhà phát triển CTMT) và xem đây là giới hạn quyền của tác giả CTMT.

#### **Câu hỏi nghiên cứu tương ứng với nội dung chương 4**

**Câu hỏi nghiên cứu 3:** *Thực thi QTG đối với CTMT là gì? Thực tiễn thực thi QTG đối với CTMT như thế nào? Cần nâng cao hiệu quả thực thi QTG đối với CTMT như thế nào?*

**Giả thuyết nghiên cứu 3:** (1) Thực thi QTG đối với CTMT là bảo đảm quyền của tác giả, chủ sở hữu QTG đối với CTMT được thực hiện trên thực tiễn bằng các biện pháp pháp lý để các chủ thể thực hiện quyền của QTG đối với CTMT, các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm QTG đối với CTMT và ngăn ngừa các hành vi vi phạm quyền tác giả đối với CTMT trong tương lai. (2) Để bảo đảm định hướng trong bảo hộ, quá trình thực thi không lạm dụng QTG đối với CTMT. (3) Bảo đảm thực thi QTG đối với CTMT bằng các biện pháp tự bảo vệ, biện pháp dân sự, hình sự, hành chính. (4) Nâng cao hiệu quả thực thi thông qua các yếu tố tác động vào quá trình thực thi QTG đối với CTMT: chất lượng hệ thống pháp luật QTG đối với CTMT, giá bản quyền và thu nhập của người sử dụng, nhận thức của chủ thể, hệ thống tổ chức đại diện, quá trình hợp tác quốc tế.



**Dự kiến kết quả nghiên cứu 3:** (1)Xác định được khái niệm và nội hàm của hoạt động thực thi QTG đối với CTMT; Xác định được hành vi lạm dụng QTG đối với CTMT. (2)Làm rõ thực tiễn thực thi QTG đối với CTMT thông qua các hành vi xâm phạm và những bất cập trong biện pháp bảo đảm thực thi. (3)Xác định được các yếu tố tác động lên thực thi QTG đối với CTMT từ đó kiến nghị hoàn thiện các quy định của luật.

### **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án**

Với đề tài "*Bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính theo pháp luật Việt Nam*", NCS mong muốn:

- Đưa ra và luận giải trên cơ sở khoa học một số quan điểm cơ bản về bảo hộ QTG đối với CTMT, cụ thể về phạm vi bảo hộ và thực thi quyền tác giả đối với CTMT hiện nay ở nước ta.

- Qua việc nghiên cứu, phân tích những bất cập, tồn tại của luật Việt Nam hiện nay, trên cơ sở tham khảo pháp luật của một số quốc gia, đề tài đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật phù hợp với xu hướng phát triển của CTMT. Đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi, tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư các dự án khoa học công nghệ.

- Cung cấp cho các nhà làm luật, những người nghiên cứu pháp luật, các doanh nghiệp CTMT và người sử dụng có được những thông tin hữu ích về QTG đối với CTMT. Nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức sử dụng các CTMT trong học tập, sinh hoạt, sản xuất kinh doanh. Góp phần vào công cuộc bảo vệ, chống vi phạm QTG đối với CTMT hiện nay ở nước ta.

Với những nội dung trên, luận án sẽ góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về bảo hộ quyền SHTT đối với CTMT ở nước ta.

### **6. Điểm mới của luận án**

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp những điểm mới đóng góp vào hệ thống khoa học pháp lý của Việt Nam với những nội dung chưa được thể hiện trong các công trình nghiên cứu nào khác về QTG đối với CTMT, đó là:

- Làm rõ những đặc điểm khác biệt cơ bản giữa CTMT và các tác phẩm viết dẫn đến những nhu cầu điều chỉnh luật khác biệt so với các tác phẩm viết khác.

- Phân tích và làm rõ sự tối ưu của cơ chế bảo hộ bằng QTG so với các cơ chế khác như sáng chế, bí mật kinh doanh hiện nay.

- Lý giải sự cần thiết phải định hướng bảo hộ QTG đối với CTMT cần bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể.

- Phân tích và làm rõ những yếu tố cấu thành trong CTMT, qua đó phân tích và chỉ ra những yếu tố được bảo hộ, những yếu tố không được bảo hộ trong CTMT.

- Phân tích và kiến nghị điều chỉnh luật về nguyên tắc áp dụng lựa chọn yếu tố bảo hộ khi những ý tưởng và biểu hiện của CTMT sát nhập.

- Phân tích và kiến nghị điều chỉnh luật về giới hạn bảo hộ quyền của chủ sở hữu của CTMT trong trường hợp cần sử dụng lại đoạn mã để bảo đảm sự tương tác với CTMT khác và giới hạn quyền của tác giả đối với quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm.

- Làm rõ khái niệm thực thi QTG đối với CTMT và nội hàm của hoạt động thực thi.

- Làm rõ nội dung lạm dụng bản quyền trong quá trình thực thi QTG đối với CTMT.

- Nêu ra thực trạng thực thi QTG đối với CTMT tại Việt Nam hiện nay thông qua các hành vi xâm phạm quyền và các biện pháp bảo đảm thực thi.

- Phân tích và làm rõ những yếu tố tác động lên QTG đối với CTMT, từ đó có những kiến nghị để nâng cao hiệu quả thực thi tại Việt Nam

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính

Chương 3: Phạm vi bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính

Chương 4: Thực thi quyền tác giả đối với chương trình máy tính.

## **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Tình hình nghiên cứu pháp luật bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

#### **1.1.1. Các công trình trên thế giới**

**- Các đối tượng được bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

*Determining the scope of copyright protection for computer/userfaces (Xác định phạm vi bảo vệ bản quyền cho giao diện máy tính, giao diện người dùng)* của tác giả Janice M. Mueller đăng trên tạp chí The John Mashall Journal of Information of Teachnology and

Privacy Law số 9 năm 1989; *Use and Expression: The Scope of Copyright Protection for Computer Programs*, 5 *Computer* (Sử dụng và Biểu hiện: Phạm vi bảo hộ bản quyền cho các chương trình máy tính) trên tạp chí Washington and Lee Law Review số 43 tháng 1 năm 1986 của tác giả Susan A; *An Analysis of the Scope of Copyright Protection for Application Programs* (Một phân tích về phạm vi bảo hộ bản quyền đối với các chương trình ứng dụng) của Peter S. Menell tại tạp chí Berkeley Law năm 1988; *Copyright Protection for Computer Software in the Nineties (Bảo hộ bản quyền phần mềm máy tính tại thế kỷ 19)* của **Evan Finkel** đăng trên tạp chí Santa Clara High Tech số 7 năm 1991 chỉ ra QGT cần bảo hộ trong phạm vi sau: CTMT, màn hình hiển thị máy tính, dữ liệu trong CTMT; *Use and Expression: The Scope of Copyright Protection for Computer Programs* (Sử dụng và Biểu hiện: Phạm vi bảo hộ bản quyền cho các chương trình máy tính) *đăng trên tạp chí The John Marshall Journal of Information Technology & Privacy Law* số 5 năm 1985 của Leslie Wharton; “*Computer Software and Intellectual Property*” (Phần mềm máy tính và tài sản trí tuệ) của dự án OTA Project Staff vào tháng 3 năm 1990.

**- Giới hạn bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

*Use and Expression: The Scope of Copyright Protection for Computer Programs*, (Sử dụng và Biểu hiện: Phạm vi bảo hộ bản quyền cho các chương trình máy tính) của Leslie Wharton đăng trên tạp chí The John Marshall Journal of Information Technology & Privacy Law số 5 năm 1985; *Fair use for Computer Programs and Other Copyrightable Works in Digital Form: The Implications of Sony, Galoob and Sega* (Sử dụng hợp lý các CTMT và các tác phẩm có bản quyền khác dưới dạng số: Các hàm ý thông qua vụ kiện giữa của Sony, Galoob và Sega) của Pamela Samuelson đăng trên tạp chí Berkeley Law số 1 năm 1993. *The Right of Integrity in Software: An Economic Analysis* (Quyền toàn vẹn trong phần mềm: Phân tích dưới góc độ kinh tế) của tác giả Yonatan Even, *đăng trên tạp chí Santa Clara High Technology Law Journal*, số 2 năm 2006; *The Collaborative Integrity of Open-Source Software* (Sự toàn vẹn hợp tác của phần mềm nguồn mở) của Greg R. Vetter trong tạp chí UTAH Law Review số 2 năm 2004; *Moral right in France: towards a pragmatic approach?* (Quyền nhân thân ở Pháp: hướng tới một cách tiếp cận thực tế) của André Lucas đăng trên tạp chí Blaca.

**- Nghiên cứu về làm dụng bản quyền đối với chương trình máy tính**

Nghiên cứu Misuse or use: That is the software copyright question của James A.D.White đăng trên tạp chí Berkeley Tech số 12 năm 1997 Tr.252-288; Copyright Protection of Operating Software, Copyright Misuse, and Antitrust của Dennis S. Karjala số 9 tạp chí Cornell Journal of Law and Public Policy năm 1999 Tr.116-192; The Justification and Scope of the Copyright Misuse Doctrine and Its Independence of the Antitrust Laws của Charnelle, Ilan đăng trên tạp chí UCLA Entertainment Law Review số 2 năm 2002 Tr. 167-199

**- Nghiên cứu về thực thi quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

*Infringing Software Property Rights: Ontological, Methodological, and Ethical Questions* của hai tác giả Nicola Angius & và Giuseppe Primiero đăng trên tạp chí Philosophy & Technology số 33, Trang 283–308 năm 2020; *India: Software Protection Under Copyright Law* của tác giả Khushboo Tomar đăng trên tạp chí Mondaq năm 2019; Free software and copyright enforcement: A tool for global copyright policy? của tác giả Ville Oksanen và Mikko Välimäki năm 2006 tại tạp chí Knowledge and Policy số 18(4) Trang 101-112.

### **1.1.2. Các công trình tại Việt Nam**

Bảo hộ phần mềm máy tính ở Việt Nam của tác giả Nguyễn Đình Huy đăng trên tạp chí Khoa Học Pháp Lý số 8 năm 2002; Bảo hộ phần mềm máy tính để phát triển công nghiệp phần mềm của nhóm tác giả Trần Việt Dũng, Lê thị Nam Giang và Mai Hồng Quý đăng trên tạp chí Nghiên Cứu Lập Pháp số 5, tháng 5, năm 2004; Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam của tác giả Phạm Quốc Trung đăng trên tạp chí kinh tế và dự báo số 8 (424) tháng 4 năm 2008; Bảo hộ chương trình máy tính theo pháp luật Việt Nam: Thực tiễn và thách thức của tác giả Trần Kiên đăng trên tạp chí Luật học, Tập 34, Số 4 (2018) 51-61; Thực thi quy định về sở hữu trí tuệ trong EVFTA: Góc nhìn từ phía doanh nghiệp châu Âu và một số vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam của tác giả Đinh Mạnh Tuấn- Vũ Thụy Trang đăng trên tạp chí Cộng Sản ngày 30/9/2020.

**1.1.3. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu về bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính và những nội dung sẽ được kế thừa, làm rõ trong luận án**

Xét một cách tổng quát, từ những năm 80 thế kỷ thứ 20 trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về bảo hộ QTG đối với CTMT đi sâu vào những nội dung cụ thể của việc bảo hộ như xác định phạm vi các yếu tố trong CTMT được bảo hộ, giới hạn quyền nhưng tại Việt Nam thì chỉ mới

bắt đầu nghiên cứu từ những năm 2000 trở lại và đa số các nghiên cứu đều có tính bao quát các vấn đề của bảo hộ QTG đối với CTMT chứ không phải đi sâu vào một khía cạnh cụ thể.

*Về phạm vi bảo hộ:* Dựa vào phân tích quy trình tạo ra CTMT của các lập trình viên, các nghiên cứu cho các nhà khoa học pháp lý thấy rõ những đặc thù riêng của việc lập trình và nhu cầu cần bảo hộ những yếu tố cụ thể. Việc xác định rõ những phạm vi sẽ giúp cho quá trình áp dụng việc bảo hộ QTG của CTMT được cụ thể hơn trước những hành vi bị xâm phạm vào từng thành phần của CTMT. Tuy nhiên, tại Việt Nam chưa có các nghiên cứu cụ thể về vấn đề này, các công trình nghiên cứu của Việt Nam chưa hề đề cập đến việc xác định phạm vi bảo hộ của CTMT pháp luật Việt Nam cũng chưa có các quy định rõ về phạm vi bảo hộ của CTMT. Giới hạn QTG đối với CTMT cũng đã được các nhà khoa học pháp lý trên thế giới nghiên cứu trên cơ sở cân bằng lợi ích của người sáng tạo ra CTMT, chủ sở hữu CTMT, người sử dụng và lợi ích chung của xã hội. Dù ở Việt Nam ngành công nghiệp viết CTMT đang phát triển nhưng chưa thật sự xứng với tiềm năng vốn có, cũng đã có những tranh chấp liên quan đến các đoạn mã CTMT nhưng các nghiên cứu của Việt Nam cũng không hề đề cập đến giới hạn quyền. Tương tự, các nghiên cứu về quyền toàn vẹn của CTMT NCS nhận thấy chưa thể hiện quan điểm của các tác giả rõ ràng, chưa đưa ra kết luận cụ thể mà chỉ dựa vào những quy định chung về QTG đối với tác phẩm viết.

*Về vấn đề thực thi:* là một trong những khâu yếu nhất của việc bảo hộ QTG đối với CTMT. Tỷ lệ xâm phạm QTG đối với CTMT tại nước ta còn cao, tuy nhiên lại không có nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Ngoại trừ những nghiên cứu của BSA dựa trên kết quả báo cáo thường niên phản ánh về tình hình xâm phạm thì hầu như chưa có những công trình nghiên cứu quy mô, hoặc đa số chỉ là những bài báo mang tính chất cung cấp thông tin về tình hình vi phạm QTG đối với CTMT.

*Về cơ chế bảo hộ,* các nghiên cứu tại Việt Nam đều đề cập đến việc bảo hộ quyền SHTT đối với CTMT bằng QTG chưa phải là một giải pháp tối ưu vì vẫn còn nhiều bất cập. Các nghiên cứu đều xoay quay nội dung cần có luật riêng điều chỉnh quyền SHTT đối với CTMT hoặc đưa CTMT thành đối tượng riêng để bảo hộ. Trong khi đó vấn đề này hiện nay trên thế giới các nghiên cứu liên quan đến quyền SHTT đối với CTMT hầu như đều không còn những nghi vấn liên quan đến hình thức bảo hộ gì cho CTMT nữa mà chỉ dựa trên những thực tiễn phát sinh để hoàn thiện hơn các quy định của luật về QTG đối với CTMT.

Về thời gian bảo hộ, tương tự các nghiên cứu tại Việt Nam về QTG đối với CTMT hiện vẫn cho rằng thời gian bảo hộ QTG đối với CTMT khi áp dụng cơ chế bảo hộ bằng QTG là hết 50 năm sau khi tác giả mất thì không phù hợp vì quá dài so với vòng đời của CTMT. Từ lâu các nghiên cứu trên thế giới đã không đề cập gì đến vấn đề này và hiện nay pháp luật của các quốc gia cũng như Việt Nam vẫn đang áp dụng thời hạn bảo hộ chung như tác phẩm viết, thực tiễn cũng không gây ra những trở ngại gì đáng kể để xem là một vấn đề cấp thiết cần phải hoàn thiện. Theo quan điểm của NCS, không cần thiết phải nghiên cứu về rút ngắn lại thời hạn bảo hộ cho phù hợp với vòng đời ngắn của CTMT vì do dù hết thời hạn bảo hộ, chủ sở hữu không chịu công khai mã nguồn cho công chúng thì việc rút ngắn thời hạn này cũng không có ý nghĩa.

Do vậy, NCS chọn lọc nội dung về phạm vi bảo hộ và thực thi QTG đối với CTMT để nghiên cứu trên cơ sở có sự kế thừa, tiếp nối những thành quả của các nghiên cứu trước để lại.

## **1.2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu**

Để nghiên cứu đề tài này, luận án sử dụng các học thuyết sở hữu trí tuệ để làm cơ sở lý luận cho những nội dung nghiên cứu như sau: Lý thuyết sử dụng hợp lý (Fair use doctrine) để xem xét các trường hợp giới hạn QTG đối với CTMT; Thuyết phân chia ý tưởng/biểu hiện để phân tích các yếu tố được bảo hộ và loại trừ bảo hộ QTG trong một CTMT; Thuyết hợp nhất để kiến nghị những trường hợp giới hạn QTG đối với CTMT khi không có phương án khác để diễn đạt mã cho một ý tưởng CTMT; và Thuyết lạm dụng bản quyền để phân tích những trường hợp có nguy cơ lạm dụng quyền của chủ thể trong quá trình bảo hộ QTG đối với CTMT.

## **CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH**

### **2.1. Khái quát chung về bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

- Khái niệm CTMT: Là sản phẩm công nghệ được sử dụng phổ biến nhất hiện nay, khái niệm về CTMT được hiểu theo khoản 1 Điều 22 Luật SHTT 2005 sửa đổi bổ sung 2009 của Việt Nam: "*Chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể.*"

- Đặc điểm của CTMT: Mặc dù được bảo hộ quyền SHTT như là một tác phẩm viết dưới cơ chế bản quyền nhưng CTMT trên thực tế có những điểm khác biệt cơ bản so với các tác phẩm truyền thống khác, và những đặc điểm này thật sự có tác động đáng kể tới tính khả thi của các quy định về QTG: Thứ nhất, cách thức tạo ra CTMT vô hình với người sử dụng; Thứ hai, CTMT không được cảm nhận bằng cảm xúc; Thứ ba, việc tạo ra CTMT phải tuân thủ nghiêm theo những nguyên tắc trong lập trình phần mềm; Thứ tư, dấu ấn của tác giả không thể hiện trong việc sáng tạo CTMT; Thứ năm, CTMT có sự giao thoa giữa tác phẩm viết và các giải pháp kỹ thuật; Thứ sáu, tính cập nhật của CTMT.

- Phân loại CTMT: Theo tiêu chí bảo hộ QTG chúng ta có CTMT đóng (mã nguồn đóng) và CTMT mở (mã nguồn mở; Theo phương thức hoạt động bao gồm: CTMT hệ thống, CTMT ứng dụng, mã độc; Theo mối quan hệ giữa người sử dụng và nhà sản xuất: bao gồm CTMT hàng loạt và CTMT sản xuất theo đơn đặt hàng; Căn cứ vào mối liên hệ với nhà cung cấp phần mềm bao gồm CTMT dịch vụ gọi là SaaS và CTMT cài đặt gọi là on-premise.

- Khái luận bảo hộ quyền tác giả đối với CTMT

+ Khái niệm bảo hộ quyền tác giả đối với CTMT: Theo Điều 8 Luật SHTT 2005 (sửa đổi 2009, 2019) Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền SHTT của tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền SHTT với lợi ích công cộng; không bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh. Như vậy, theo các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành thì việc bảo hộ QTG đối với CTMT bao gồm: Nhà nước là chủ thể thực hiện việc bảo hộ; CTMT là đối tượng được bảo hộ; nội hàm của hoạt động bảo hộ là việc Nhà nước là xây dựng hệ thống pháp luật về QTG đối với CTMT, thực thi và bảo đảm thực thi pháp luật về QTG đối với CTMT. Theo Hiệp định TRIPS tại chú thích thứ 3 ghi rõ: "bảo hộ" phải bao gồm các vấn đề ảnh hưởng đến khả năng đạt được, việc đạt được, phạm vi, việc duy trì hiệu lực và việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ, cũng như các vấn đề ảnh hưởng đến việc sử dụng các quyền SHTT. Như vậy có thể hiểu: *Bảo hộ QTG đối với CTMT là việc Nhà nước ban hành hệ thống các quy định nhằm xác lập và điều chỉnh các quyền và nghĩa vụ pháp lý của tác giả, chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp QTG đối với CTMT, và bảo đảm thực thi các quy định đó trên thực tiễn.*

2.2. Quyền tác giả - phương thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tối ưu cho chương trình máy tính hiện nay

Có nhiều quan điểm cho rằng cần hình thức bảo hộ quyền SHTT riêng (sui generic) dành cho CTMT vì bảo hộ bằng QTG vẫn còn nhiều vấn đề chưa giải quyết được. Tuy nhiên, NCS cho rằng dù có những điểm khác biệt tương đối so với những tác phẩm viết khác nhưng QTG vẫn là cơ chế tối ưu để bảo hộ cho CTMT vì:

*Thứ nhất*, QTG chỉ bảo hộ hình thức thể hiện của tác phẩm, không bảo hộ ý tưởng của tác phẩm đó, tức là bảo vệ cách diễn đạt, những biểu hiện (theo nghĩa đen) của các CTMT. Chỉ cần sự thay đổi về hình thức trong cách sắp xếp, bố trí, diễn đạt của các ký hiệu ngôn ngữ lập trình này (miễn sự thay đổi đó vẫn theo các nguyên tắc của kỹ thuật lập trình) thì sẽ cho ra các CTMT khác nhau, nghĩa là cần tính nguyên gốc của các đoạn mã để phân biệt với các CTMT khác nhau. Do vậy, cần phải bảo hộ CTMT bằng QTG vì đây là phương thức tối ưu để bảo hộ tính những gì tạo ra CTMT. *Thứ hai*, thực tế những năm 1970 WIPO bắt đầu xem xét về sự bảo vệ hợp pháp của các CTMT và đầu tiên, ý tưởng phát triển một cơ chế bảo hộ quyền SHTT riêng (sui generic) dành cho CTMT đã xuất hiện. Việc bảo vệ sui generic bao gồm cả ba yếu tố của CTMT: mã đối tượng, mã nguồn và tài liệu. Tuy nhiên, các điều khoản mẫu hệ thống sui generis của WIPO để bảo hộ CTMT đã không được các quốc gia chấp thuận. Chính vì vậy mà trải qua thời gian khá dài, kể từ khi chiếc máy vi tính xuất hiện lần đầu tiên trên thế giới cho đến nay, QTG vẫn là mô hình được ưu tiên lựa chọn để bảo hộ quyền SHTT cho CTMT tại các quốc gia. Những thiếu sót trong cơ chế bảo hộ này sẽ được sự tương hỗ cho hình thức sáng chế và bí mật kinh doanh chứ không nhất thiết phải có một mô hình bảo hộ riêng quyền SHTT dành cho CTMT.

### **2.3. Mục đích và nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

#### **- Mục đích bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính:**

Như vậy, mục đích của quá trình bảo hộ QTG đối với CTMT không phải để tuân thủ các quy định pháp luật về QTG mà là để tạo ra nhiều sản phẩm phần mềm, ứng dụng, phát triển hệ thống mạng internet nhằm tạo cơ sở hạ tầng hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho con người.

**- Nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính:** Cân bằng lợi ích là bản chất cơ bản của bảo hộ quyền tác giả đối với CTMT và được dựa trên cơ sở kinh tế học, và cơ sở pháp lý. Cân bằng lợi ích mà nhà phát triển CTMT và các chủ thể khác là cách tốt nhất để thúc đẩy lợi ích của các chủ thể; Cân bằng bảo hộ QTG đối với CTMT



khuyến khích tạo ra nhiều sản phẩm CTMT hơn; Tránh sự lạm dụng và độc quyền trong thị trường phần mềm. Cân bằng trong bảo hộ QTG đối với CTMT là sự hài hòa về lợi ích kinh tế giữa ba nhóm chủ thể (1) Lợi ích của quốc gia và lợi ích của quốc tế; (2) Lợi ích giữa các chủ thể QTG đối với CTMT là sự cân bằng lợi ích giữa tác giả với chủ sở hữu QTG đối với CTMT; (3) Lợi ích giữa chủ thể QTG đối với CTMT và các chủ thể sử dụng CTMT bao gồm người dùng cuối và doanh nghiệp phần mềm khác.

### **CHƯƠNG 3. PHẠM VI BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH**

#### **3.1. Khái quát chung về phạm vi bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

##### **3.1.1. Khái niệm về phạm vi bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

Phạm vi của bảo hộ quyền SHTT có thể hiểu là tập hợp những nội dung quyền sẽ được bảo hộ và những quyền bị giới hạn không được bảo hộ, làm cơ sở cho việc xác định và thực hiện quyền của các chủ thể. Theo khoản 1 Điều 7 Luật SHTT chủ thể quyền sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật SHTT. Hiện nay, pháp luật về QTG không có một quy định cụ thể gọi tên là "phạm vi bảo hộ QTG" mà chỉ hiểu hàm ý về phạm vi bảo hộ này thông qua các quy định ghi nhận các đối tượng được bảo hộ QTG đối với CTMT, nội dung quyền của các chủ thể và giới hạn nội dung quyền được bảo hộ QTG. Do vậy, khái niệm về phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT được hiểu như sau: *Phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT là những giới hạn mà pháp luật quy định để xác định ranh giới giữa những nội dung được bảo hộ và những nội dung không bảo hộ QTG đối với CTMT.*

##### **3.2. Nội dung phạm vi bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

###### **3.2.1. Phạm vi về các đối tượng được bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

Trong các yếu tố được cho là biểu hiện của CTMT thì chỉ có những yếu tố sau đây là được bảo hộ QTG: Mã nguồn, mã máy; Còn các yếu tố biểu hiện nhưng không được bảo hộ QTG: Thuật toán, giao diện phần mềm, giao diện người dùng, ngôn ngữ lập trình.

**(i) Trường hợp phân định rõ ý tưởng và biểu hiện trong một CTMT:** Trong trường hợp phân định rõ *ý tưởng* và *biểu hiện* thì áp dụng nguyên tắc chỉ bảo hộ *biểu hiện*, không bảo hộ *ý tưởng* của CTMT, chỉ bảo

hệ hình thức diễn đạt của CTMT. Nếu một CTMT B sao chép *ý tưởng* chứ không sao chép các *biểu hiện* của CTMT A thì CTMT B không vi phạm QTG. Tuy nhiên, nếu CTMT B sao chép những yếu tố được xem là *biểu hiện* của CTMT A thì đó là hành vi vi phạm QTG. Như vậy, những trường hợp phân biệt được rõ ràng thì trong CTMT bao gồm những yếu tố thuộc *ý tưởng*: *chức năng (tính năng), cấu trúc hệ thống (quy trình, phương pháp) đương nhiên không được bảo hộ QTG đối với CTMT. Trong các yếu tố thuộc về biểu hiện: thuật toán, ngôn ngữ lập trình, mã nguồn, mã máy, giao diện người dùng (bao gồm bố trí thao tác trên màn hình và các thiết kế mỹ thuật) thì Thuật toán, ngôn ngữ lập trình, giao diện chương trình và giao diện người dùng không được bảo hộ QTG đối với CTMT, thiết kế mỹ thuật có thể được bảo hộ QTG với tư cách là một tác phẩm mỹ thuật độc lập chứ không phải là QTG đối với CTMT, còn mã nguồn và mã máy thì được bảo hộ QTG đối với CTMT.*

### **(ii) Trường hợp ý tưởng và biểu hiện của chương trình máy tính hợp nhất**

Trường hợp *ý tưởng* và *biểu hiện* của CTMT không được phân biệt dễ dàng, hoặc *ý tưởng* của CTMT chỉ có một số cách hạn chế thể hiện, hoặc để bảo đảm sự tương thích giữa các CTMT thì áp dụng thuyết hợp nhất do đó không bảo hộ *biểu hiện* của CTMT. Nếu một CTMT B sao chép những *biểu hiện* của CTMT A và chứng minh được là chỉ có một hoặc một số cách hạn chế để *biểu hiện* những *ý tưởng* đi cùng *biểu hiện*, hoặc để CTMT B có thể được chạy trên nền CTMT A (ví dụ CTMT A là phần mềm hệ thống) thì CTMT B không vi phạm QTG. Do đó khi không thể có một cách khác để thể hiện *chức năng (tính năng), cấu trúc hệ thống (quy trình, phương pháp) sẽ hợp nhất với* các đoạn mã và khi đó mã nguồn và mã máy sẽ không được bảo hộ QTG nếu không có một hình thức khác để diễn đạt cấu trúc, trình tự, tổ chức và chức năng" của CTMT đó. Những trường hợp này pháp luật của các nước đều quy định trong chế định sử dụng hợp lý nên Việt Nam cũng cần xem xét đề điều chỉnh về nội dung này.

### **3.2.2. Phạm vi về giới hạn quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

#### **- Nội dung giới hạn quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

(i) *Giới hạn về quyền của chủ sở hữu đối với chương trình máy tính*: Trong khi tại một số quốc gia đã thúc đẩy sự phát triển công nghệ phần mềm bằng cách tạo ra khung pháp lý không chỉ bảo vệ quyền của tác

giả và nhà sản xuất CTMT mà còn hướng đến môi trường khuyến khích việc nghiên cứu sáng tạo ra những CTMT mới. Tại Mỹ có quyền sử dụng hợp lý, tại Anh có giao dịch công bằng là những trường hợp giới hạn quyền của tác giả, chủ sở hữu QTG và có thể áp dụng cho CTMT, nhưng tại Việt Nam hiện nay những ngoại lệ quyền này không được áp dụng cho CTMT. Quy định như vậy là tương đối thắt chặt việc bảo hộ QTG đối với CTMT, không thật sự khuyến khích những trường hợp tham gia học tập, nghiên cứu hoặc dùng cho mục đích cá nhân.

\* Giới hạn về quyền dịch ngược CTMT của các chủ thể trong tiếp cận mã nguồn của CTMT: Để thực hiện hành vi dịch ngược, chủ thể thực hiện hành vi cần có những phương tiện hỗ trợ khác nhau tùy theo từng loại mã nguồn của CTMT cần dịch ngược. Đa số những hành vi dịch ngược mã nguồn và hành vi ngược lại với ý chí của chủ sở hữu CTMT như hacker (chủ thể thực hiện các hành vi tấn công vào hệ thống mạng) thì những người nghiên cứu virus để tạo ra những CTMT chống virus cũng thực hiện những hành vi dịch ngược mã nguồn CTMT để nghiên cứu, hiểu rõ hơn về CTMT và virus đó. Do vậy đây là một khoảng trống trong pháp luật về QTG đối với CTMT tại Việt Nam mà chúng ta cần tiền liệu để đưa vào điều chỉnh về quyền của chủ sở hữu CTMT và quyền của người sử dụng trong mỗi trường hợp.

(ii) *Giới hạn về quyền của tác giả chương trình máy tính*: Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm là quyền bảo vệ sự cố định của bộ cục, diễn đạt tác phẩm có một vai trò rất quan trọng trong hệ thống các nhóm QTG, tuy nhiên quyền này nếu trao cho tác giả CTMT thì không đạt được mục đích của việc bảo hộ vì: *Thứ nhất*, không phù hợp với đặc điểm kỹ thuật của CTMT, CTMT thường được tạo ra bởi các nhóm gồm nhiều lập trình viên; *Thứ hai*, không đạt được mục đích của quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm CTMT không phản ánh dấu ấn cá nhân của các lập trình viên; *Thứ ba*, không bảo vệ quyền tài sản của nhà phát triển phần mềm CTMT cần phải được cập nhật, bổ sung, sửa lỗi qua nhiều phiên bản để kéo dài tuổi thọ. Do vậy, quyền bảo vệ sự toàn vẹn bảo đảm được tính cạnh tranh của các tác phẩm trên thị trường, không cho người khác thực hiện hành vi gây xâm hại đến tác phẩm, tính thống nhất của tác phẩm. Tuy nhiên đối với CTMT thì đó lại là sự cản trở việc thực hiện các quyền tài sản của chủ sở hữu.

### **3.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xác định phạm vi bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

**- Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xác định phạm vi đối tượng được bảo hộ của quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

**(i) Xác định yếu tố được bảo hộ QTG trong CTMT trong trường hợp có sự phân chia rõ giữa ý tưởng và biểu hiện của CTMT**

- Biểu hiện trong CTMT: Theo luật SHTT hiện hành thì đối tượng được bảo hộ trong CTMT là mã nguồn, mã đối tượng (mã máy) như Điều 22 Luật SHTT hiện hành là phù hợp với thuyết học thuyết phân chia ý tưởng/biểu hiện trong tác phẩm và cũng phù hợp với nhu cầu thực tiễn về bảo hộ QTG cho từng yếu tố. Về cơ bản, một tác phẩm viết có thể được phân biệt thành ý tưởng và biểu hiện. Những trường hợp phân biệt được rõ ràng thì trong CTMT bao gồm những yếu tố thuộc biểu hiện là mã nguồn và mã máy cần phải được bảo hộ.

- Ý tưởng trong CTMT: Theo học thuyết phân chia ý tưởng/biểu hiện thì đương nhiên không bảo hộ QTG chức năng (tính năng), cấu trúc hệ thống (quy trình, phương pháp). Những yếu tố thuộc ý tưởng của CTMT như quy trình, cấu trúc thiết kế, chức năng CTMT, giao diện kết nối giữa các CTMT, cấu trúc lệnh cần thiết để đạt được khả năng tương tác với các chương trình hoặc phần cứng khác dù không được bảo hộ dưới cơ chế bảo quyền nhưng nếu đáp ứng đủ điều kiện của một sáng chế thì sẽ bảo hộ dưới cơ chế sáng chế.

**(ii) Xác định yếu tố được bảo hộ QTG trong CTMT trong trường hợp không có sự phân chia rõ giữa ý tưởng và biểu hiện của CTMT**

Pháp luật Việt Nam cần có sự điều chỉnh theo hướng ghi nhận bằng các quy phạm về trường hợp phân chia ý tưởng biểu hiện này là loại trừ không bảo hộ những yếu tố biểu hiện trong CTMT nếu sát nhập với ý tưởng. Áp dụng thuyết này sẽ cũng giúp những người muốn tạo CTMT tương tác với hệ điều hành hay tương tác với các ứng dụng khác nhau có thể tiếp cận được với mã nguồn gốc. Cụ thể, cần bổ sung vào Điều 22 Luật SHTT là:

*"Nếu không có cách viết mã nguồn nào khác để thể hiện những ý tưởng chức năng hay không thể tách biệt giữa ý tưởng và mã nguồn của CTMT thì không bảo hộ đoạn mã nguồn đó".*

Quy định này cũng tương tự tại Khoản 1 Điều 64 Luật SHTT không bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đối với đối tượng là hình dáng bên

ngoài của sản phẩm do đặc tính kỹ thuật của sản phẩm bắt buộc phải có. Việc loại trừ những yếu tố do đặc điểm kỹ thuật chỉ có một cách thể hiện, diễn đạt nội dung thì sẽ giúp giảm sự bảo hộ quá chặt về quyền của chủ sở hữu. Đối với CTMT, quy định này tạo cơ hội cho các nhà phát triển CTMT khác có thể cạnh tranh khi không có cách viết mã khác thể hiện chức năng của CTMT.

**- Kiến nghị hoàn thiện quy định về giới hạn quyền của các chủ thể đối với chương trình máy tính**

*(i) Giới hạn quyền của chủ sở hữu*

**- Các trường hợp sử dụng CTMT không phải xin phép và không phải trả tiền cho chủ sở hữu QTG đối với CTMT**

Để bảo vệ tối đa những công sức trí tuệ và sự độc quyền trên thị trường, các nhà sản xuất phần mềm rất coi trọng việc che dấu những yếu tố trên nên họ thường dùng các biện pháp bảo mật CTMT của mình và các đối thủ cạnh tranh sẽ dùng kỹ thuật dịch ngược để tìm ra mã nguồn chứ không đợi hết thời gian bảo hộ QTG rồi khai thác vì dù luật có quy định hết thời hạn bảo hộ nhưng chủ sở hữu không công khai mã nguồn thì các chủ thể khác cũng không biết CTMT đó được tạo ra như thế nào. Vì vậy để khuyến khích quá trình học hỏi nghiên cứu kỹ thuật lập trình, NCS kiến nghị:

- Đối với pháp luật SHTT cần bổ sung quy định tại Điều 25 tại Luật SHTT như là một ngoại lệ dành riêng cho CTMT:

+ *Người sử dụng CTMT có quyền thực hiện các hành động cần thiết như áp dụng kỹ thuật dịch ngược CTMT để quan sát, theo dõi, hoặc kiểm tra hoạt động của mã nguồn nhằm mục đích nghiên cứu, học hỏi.*

+ *Người sử dụng CTMT được phép áp dụng kỹ thuật dịch ngược CTMT để tìm ra mã nguồn với mục đích tạo sự tương tác với CTMT khác nếu không ảnh hưởng đến việc khai thác thương mại CTMT của chủ sở hữu QTG đối với CTMT.*

- Đối với pháp luật Công nghệ Thông Tin: Bổ sung vào Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 hướng dẫn thi hành luật Công nghệ Thông Tin nội dung "*trừ trường hợp thực hiện hành vi nhằm mục đích quan sát, thử nghiệm, nghiên cứu CTMT*" để tạo sự thống nhất với những kiến nghị tại Luật SHTT.

**- Các trường hợp sử dụng CTMT không phải xin phép nhưng phải trả tiền cho chủ sở hữu QTG đối với CTMT**

Mục đích cuối cùng của bản quyền không phải là tối đa hóa các lợi ích cho chủ sở hữu QTG mà là thúc đẩy việc sáng tạo và phổ biến các

tác phẩm văn học và nghệ thuật, khoa học nhằm nâng cao chất lượng của cộng đồng tiếp cận kiến thức. Việc cấp độc quyền đối với các tác giả cho phép họ gặt hái một phần giá trị thu được từ đóng góp sáng tạo của họ mà thôi. Do vậy luận án kiến nghị điều chỉnh luật tại Điều 26 Luật SHTT bổ sung nội dung:

*Trong trường hợp với mục đích tạo ra các CTMT cạnh tranh, các CTMT phái sinh, hoặc các CTMT tương tác với CTMT trước đó thì người phát triển CTMT tiếp theo có quyền sử dụng CTMT đó nhưng phải thỏa thuận cho chủ sở hữu CTMT trước, nếu không thỏa thuận được thì theo tỷ lệ % lợi nhuận do luật định.*

Quy định này cũng tránh trường hợp chủ sở hữu QTG đối với CTMT cạnh tranh không muốn nhà phát triển sau dựa trên kết quả của mình, làm cản trở sự phát triển ngành công nghệ phần mềm. Để sử dụng được mã nguồn này, chủ thể dùng lại mã nguồn không cần phải xin phép chủ sở hữu QTG đối với CTMT vì nếu yêu cầu cần phải có sự đồng ý của chủ sở hữu mã nguồn gốc thì NCS e rằng sẽ khó khả thi khi chủ sở hữu mã nguồn không muốn tạo thêm các cơ hội cho đối thủ cạnh tranh nhằm muốn độc quyền sản phẩm.

### **(ii) Giới hạn quyền của tác giả**

Trong phạm vi bảo hộ QTG đối với các tác phẩm, việc cân đối quyền giữa tác giả và chủ sở hữu QTG về việc nâng cấp, sửa đổi tác phẩm và làm tác phẩm phái sinh là vấn đề đang còn nhiều tranh cãi nhưng NCS cho rằng một CTMT bị thay đổi, sửa chữa mã nguồn thì hẳn nhiên phải bao gồm cả trường hợp là CTMT phái sinh vì tác phẩm phái sinh (a) được tạo thành từ một tác phẩm đã hình thành trước đó (gọi là tác phẩm gốc). Để bảo đảm hài hòa lợi ích của lập trình viên và nhà đầu tư, luận án kiến nghị:

Bổ sung vào Khoản 4 Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ “*Không áp dụng quyền này cho CTMT*”. Sửa đổi Khoản 3 Điều 17 Nghị định 22 thành: “*Chủ sở hữu QTG đối với CTMT có quyền sửa chữa, nâng cấp CTMT*”.

Theo NCS việc sửa đổi, cập nhật CTMT nên là quyền của người đầu tư vào các dự án sản xuất CTMT hơn là các lập trình viên- người làm thuê. Điều này cho thấy những nhà lập pháp Việt Nam cần có một cái nhìn rất thực tế về bảo hộ tài sản trí tuệ là tập trung vào quyền kinh tế của chủ sở hữu.

## **CHƯƠNG 4. THỰC THI QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH**

## **4.1. Khái luận về thực thi quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

### **4.1.1. Khái niệm chung về thực thi quyền tác giả đối với CTMT**

"Thực thi" được sử dụng trong ngữ cảnh của quyền sở hữu trí tuệ có thể được hiểu là quyền loại trừ những người khác sử dụng nó mà không được phép và các biện pháp để đảm bảo khắc phục những thiệt hại xảy ra, *là các hoạt động nhằm đưa các quy định của quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện trên thực tiễn*. Từ đó, nội dung của thực thi QTG đối với CTMT là *bảo đảm quyền của tác giả, chủ sở hữu QTG đối với CTMT được thực hiện trên thực tiễn bằng các biện pháp pháp lý để các chủ thể thực hiện quyền của QTG đối với CTMT, các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm QTG đối với CTMT và ngăn ngừa các hành vi vi phạm quyền tác giả đối với CTMT trong tương lai*.

**4.1.2. Chủ thể của hoạt động thực thi quyền tác giả đối với chương trình máy tính:** Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quyền tác giả; Cơ quan tư pháp thực hiện chức năng xét xử, áp dụng trách nhiệm pháp lý dân sự và hình sự đối với những hành vi xâm phạm QTG đối với CTMT; Chủ thể QTG đối với CTMT; Nhóm chủ thể sử dụng CTMT.

## **4.2. Tránh lạm dụng bản quyền trong thực thi quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

### **4.2.1. Xác định lạm dụng bản quyền đối với chương trình máy tính**

*Một*, có các yêu cầu của chủ sở hữu bản quyền nằm ngoài phạm vi quyền được bảo hộ của CTMT được cấp. Đầu tiên, xác định phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT đến đâu. Tiếp đó, phân tích xác định liệu chủ sở hữu CTMT có cố ý sử dụng bản quyền của mình theo cách vượt quá phạm vi được bảo hộ của CTMT hay không. *Hai*, hành vi của chủ sở hữu bản quyền CTMT có chủ ý và không thiện chí. Nếu một hành vi đã thỏa mãn yếu tố đầu tiên thì xem xét tiếp hành vi đó của chủ sở hữu có cố ý ngăn cản những chủ thể khác không được sử dụng, tiếp cận với CTMT vì mục đích không thiện chí hay không.

### **4.2.2 Các hành vi lạm dụng bản quyền đối với chương trình máy tính**

Việc sử dụng không đúng quyền của chủ thể QTG đối với CTMT xảy ra trong các tình huống mà chủ thể QTG đối với CTMT gián tiếp giới

hạn hoặc hạn chế quá mức các CTMT được tạo bởi người được cấp phép; Hành vi lạm dụng xảy ra khi chủ sở hữu bản quyền CTMT có hành vi chỉ đồng ý cấp phép bản quyền CTMT khi người dùng phải mua kèm sản phẩm khác; Hạn chế việc cho phép đối với hoạt động dịch ngược CTMT. Đây là một hành vi tương đối phổ biến trong các thể loại lạm dụng bản quyền đối với CTMT.

### **4.3. Thực tiễn thực thi quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

#### **4.3.1. Khái niệm về hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

Hành vi xâm phạm QTG được sử dụng để chỉ việc sao chép, phân phối và bán trái phép các tác phẩm có bản quyền, hành vi xâm phạm QTG được hiểu là xâm phạm các quyền của chủ thể QTG. Chủ thể QTG có những quyền do pháp luật quy định, cá nhân, tổ chức nào sử dụng các quyền đó mà không được chủ thể QTG cho phép là xâm phạm quyền của họ. Từ đó có thể hiểu, hành vi xâm phạm QTG đối với CTMT được hiểu là việc cá nhân, tổ chức không phải là chủ sở hữu hay tác giả của CTMT nhưng thực hiện một trong số các hành vi sử dụng CTMT đang trong thời hạn bảo hộ quy định mà không được phép của chủ sở hữu, tác giả CTMT và cũng không thuộc trường hợp sử dụng ngoại lệ.

Các tiêu chí xác định hành vi xâm phạm QTG đối với CTMT: CTMT đủ điều kiện bảo hộ và vẫn còn trong thời gian bảo hộ QTG; Có hành vi xâm phạm các yếu tố được bảo hộ QTG trong CTMT; Hành vi xâm phạm không thuộc các trường hợp ngoại lệ quyền; Chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm không phải là người có quyền sử dụng CTMT.

#### **4.3.2. Các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính phổ biến**

Hành vi sử dụng chương trình máy tính không có sự đồng ý của chủ sở hữu Quyền tác giả; Hành vi cập nhật, sửa lỗi, tạo chương trình máy tính phái sinh không có sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả; Hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của chương trình máy tính: (i) Hành vi vi phạm các quy định về mã nguồn mở; (ii) Hành vi phát tán virus, mã độc nhằm mục đích phá hoại lấy dữ liệu, tống tiền, (iii) Hành vi phá vỡ bảo mật trong các sản phẩm, thiết bị có chứa CTMT.

#### **4.3.3. Các biện pháp bảo đảm thực thi QTG đối với CTMT**



Hiện nay pháp luật Việt Nam hiện hành quy định các biện pháp sau: Áp dụng biện pháp công nghệ để tự bảo vệ; Biện pháp dân sự; Biện pháp hình sự; Biện pháp hành chính; Hoạt động kiểm soát biên giới. Nhìn chung, hệ thống thực thi quyền SHTT chưa hiệu quả để chặn các hành vi xâm phạm QTG đối với CTMT:

*Thứ nhất*, hệ thống thực thi quyền SHTT của Việt Nam bị đánh giá là vẫn còn rất phức tạp, điều này tạo ra thách thức về tính hiệu quả cho các chủ sở hữu quyền thực hiện những hành động chống lại các hành vi xâm phạm QTG đối với CTMT; *Thứ hai*, thực tiễn thi hành các biện pháp trừng phạt đối với những trường hợp vi phạm QTG đối với CTMT không đủ tác dụng răn đe; *Thứ ba*, thiếu các cán bộ SHTT được đào tạo về QTG đối với CTMT, bao gồm đội ngũ thẩm phán, thanh tra viên, hải quan, giám định viên. Cần tăng cường hơn việc tổ chức tập huấn, đào tạo và phổ biến kiến thức về QTG đối với CTMT cho đội ngũ cán bộ thực thi, đặc biệt là thẩm phán; *Thứ tư*, vấn đề nhận thức các hoạt động liên quan QTG đối với CTMT của các chủ thể sử dụng CTMT như người dùng cuối, hoặc các doanh nghiệp bao gồm chưa cao. Người tiêu dùng Việt Nam vẫn thích sử dụng các CTMT miễn phí được tải từ internet hoặc tìm cách phá vỡ các biện pháp kỹ thuật mà chủ sở hữu QTG đối với CTMT áp dụng. Và việc xử lý những hành vi xâm phạm của chủ thể là cá nhân này thường ít khả thi do số lượng hành vi xâm phạm lớn, nhưng giá trị của mỗi trường hợp xâm phạm lại không lớn, gây ra sự ngại ngần cho các chủ thể quyền cũng như cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực thi; *Thứ năm*, hoạt động thực thi chủ yếu phụ thuộc vào các biện pháp hành chính, mà cụ thể là quá trình thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Bộ Văn Hóa Thể Thao Và Du Lịch. Không những vậy, quá trình thực thi các biện pháp dân sự cũng phụ thuộc nhiều vào biện pháp hành chính. Các biện pháp hình sự và dân sự, hành chính là những biện pháp xử phạt hành vi xâm phạm; kiểm soát biên giới và biện pháp công nghệ mang tính chất ngăn ngừa. Tuy nhiên, các chủ thể quyền thường thích áp dụng biện pháp dân sự hơn do bản chất và đặc thù của quyền sở hữu trí tuệ là quyền dân sự, cần bồi thường để khắc phục thiệt hại và những khoản tiền phạt chạm vào lợi ích kinh tế của chủ thể có hành vi xâm phạm quyền.

#### **4.4. Nâng cao hiệu quả thực thi bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính**

**4.4.1. Các yếu tố tác động vào hiệu quả thực thi quyền tác giả đối với chương trình máy tính:**

Quá trình thực thi cho thấy hiệu quả thực thi QTG đối với CTMT phụ thuộc vào những yếu tố: *Thứ nhất*, chất lượng của hệ thống các quy phạm pháp luật về quyền tác giả đối với CTMT, *Thứ hai*, giá bản quyền và mức thu nhập của người sử dụng, doanh thu của doanh nghiệp sử dụng CTMT; *Thứ ba*, nhận thức của chủ thể sử dụng CTMT và trình độ của chủ thể tiến hành các biện pháp thực thi QTG đối với CTMT; *Thứ tư*, hệ thống tổ chức đại diện cho các doanh nghiệp phần mềm; *Thứ năm*, hợp tác quốc tế trong việc thực thi QTG đối với CTMT.

#### **4.4.2. Đề xuất nâng cao hiệu quả thực thi bảo hộ quyền tác giả đối với CTMT**

Trong các biện pháp nâng cao hiệu quả thực thi có thể xét dưới cách tiếp cận với tiêu chí lợi ích tài chính có thể được phân biệt thành hai nhóm chính: (1) nhóm các biện pháp tiếp cận vào lợi ích tài chính bao gồm các biện tác động trực tiếp vào lợi ích kinh tế của chủ thể có hành vi xâm phạm như: như tăng cường các mức bồi thường về dân sự, tăng mức xử phạt tiền trong vi phạm hành chính, hình sự, thương lượng về giá bản quyền, và (2) các phương pháp tiếp cận phi tài chính không tập trung lợi ích kinh tế trực tiếp của các chủ thể như các thủ tục và chiến dịch nâng cao nhận thức cho các chủ thể sử dụng CTMT, hợp tác quốc tế, thành lập trung tâm tư vấn bản quyền, tăng cường phát triển mã nguồn mở. Cả hai nhóm biện pháp này đều cần thiết cho các hệ thống thực thi QTG đối với CTMT hiệu quả.

Nếu tiếp cận các giải pháp bằng tiêu chí quy phạm luật thì có thể phân ra thành hai nhóm biện pháp: (1) các biện pháp mang tính quy phạm luật định như như tăng cường các mức bồi thường về dân sự, tăng mức xử phạt tiền trong vi phạm hành chính, hình sự và (2) các biện pháp không mang tính quy phạm mà chỉ mang tính chiến lược như thương lượng về giá bản quyền, nâng cao nhận thức cho các chủ thể sử dụng CTMT, hợp tác quốc tế, thành lập trung tâm tư vấn bản quyền phần mềm, tăng cường phát triển mã nguồn mở.

### **KẾT LUẬN**

Bảo hộ QTG đối với CTMT trong cuộc cách mạng 4.0 đặt ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho các chủ thể trong quá trình sử dụng CTMT. Luận án "*Bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính theo pháp luật Việt Nam*" đã giải quyết được những nội dung sau:

(1) Luận án đã đưa ra khái niệm về CTMT, đặc điểm và phân loại, là một tác phẩm viết đặc biệt, có sự giao thoa với các sản phẩm kỹ thuật do vậy các quy định luật cũng cần theo hướng phù hợp với những đặc điểm kỹ thuật đó: bảo đảm khả năng tương tác với các CTMT khác và tương tác với hệ điều hành máy tính; cập nhật, sửa lỗi cho các phiên bản khác nhau của CTMT bảo đảm kéo dài thời gian sử dụng của CTMT và đáp ứng với sự thay đổi của công nghệ. Các loại CTMT khác nhau dẫn đến nhu cầu bảo hộ cũng khác cho từng loại.

(2) Phân tích khái niệm và nội hàm về bảo hộ QTG đối với CTMT, đó là hoạt động xây dựng các quy phạm luật, bảo đảm thực thi QTG đối với CTMT theo hướng hài hòa lợi ích giữa các chủ thể.

(3) Lý giải một cách khoa học tại sao phải bảo hộ CTMT bằng cơ chế QTG và khẳng định ưu thế của việc bảo hộ QTG đối với CTMT so với các hình thức bảo hộ khác như sáng chế hay bí mật kinh doanh.

(4) Chỉ ra QTG dành cho CTMT cần phải được bảo hộ theo hướng cân bằng lợi ích của các nhóm chủ thể quyền bao gồm nhà nước, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và người sử dụng, các doanh nghiệp phần mềm tránh các hành vi lạm dụng quyền SHTT, tránh các hành vi hạn chế các chủ thể khác tham gia vào quá trình cung ứng thị trường phần mềm. Đây chính là nội dung có ý nghĩa quan trọng mà các nhà làm luật cần quán triệt xuyên suốt quá trình xây dựng các chính sách pháp luật về bảo hộ QTG đối với CTMT, đặc biệt là khi xác định phạm vi bảo hộ và thực thi QTG đối với CTMT.

(5) Đưa ra khái niệm về phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT, xác định được nội hàm của phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT bao gồm phạm vi về các yếu tố được bảo hộ và phạm vi quyền của các chủ thể.

(6) Đối với phạm vi đối tượng được bảo hộ, chỉ bảo hộ những biểu hiện của CTMT, không bảo hộ những gì liên quan đến ý tưởng như: quy trình, phương pháp, hệ thống cấu trúc chức năng. Trường hợp giữa ý tưởng và mã của CTMT hợp nhất (không có cách viết mã khác để diễn đạt ý tưởng của CTMT) thì không bảo hộ mã CTMT đó.

(7) Đối với phạm vi quyền của các chủ thể được bảo hộ, luận án đã làm rõ (i) giới hạn bảo hộ quyền của chủ sở hữu CTMT trong trường hợp khuyến khích sự phát triển của ngành công nghiệp phần mềm là cho phép áp dụng kỹ thuật dịch ngược mã nguồn trong hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu và học hỏi kỹ thuật viết mã nguồn CTMT. (ii) Giới hạn quyền của chủ sở hữu trong trường hợp chủ thể khác cần sử dụng lại mã nguồn vì mục đích làm CTMT phái sinh, hay các ứng dụng cần tương tác với CTMT

gốc vì mục đích thương mại thì không cần sự đồng ý của chủ sở hữu nhưng vẫn phải trả một khoản chi phí cho chủ sở hữu mã nguồn gốc.

(8) Giới hạn bảo hộ quyền của tác giả trong trường hợp quyền bảo vệ sự toàn vẹn CTMT không nên trao cho tác giả mà phải là quyền của chủ sở hữu CTMT. Pháp luật Việt Nam về quyền bảo vệ sự toàn vẹn đối với CTMT cần phải sửa đổi phù hợp với quy luật phát triển khách quan của thị trường phần mềm bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên chủ thể, lợi ích chung cộng đồng và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp phần mềm tại Việt Nam.

(9) Xác định rõ ràng cụ thể phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT để các lập trình viên, nhà sản xuất phần mềm và các chủ thể khai thác sử dụng CTMT thực hiện quyền phù hợp với nhu cầu và quy luật phát triển của thị trường phần mềm hơn.

(10) Xác định được khái niệm về thực thi QTG đối với CTMT là các hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo đảm các quyền của tác giả được thực hiện trên thực tiễn và xử lý các hành vi vi phạm quyền của các chủ thể cũng như quyền ngăn ngừa các hành vi vi phạm quyền tác giả và nội hàm của hoạt động thực thi QTG đối với CTMT là bảo đảm quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với CTMT được thực hiện bằng các biện pháp pháp lý để các chủ thể thực hiện quyền, các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm và ngăn ngừa các hành vi xâm phạm xảy ra trong tương lai.

(11) Xác định được để bảo đảm sự cân bằng lợi ích của các chủ thể trong thực thi QTG đối cần tránh lạm dụng bản quyền. Xác định được hành vi lạm dụng QTG đối với CTMT trong quá trình thực thi với CTMT phân biệt được hành vi lạm dụng và hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

(12) Làm rõ thực tiễn thực thi QTG đối với CTMT thông qua các hành vi xâm phạm và những bất cập trong biện pháp bảo đảm thực thi, cụ thể: về yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp không chứng minh được thiệt hại, khó áp dụng về các biện pháp khẩn cấp tạm thời cho đối tượng là CTMT nếu hành vi thực hiện trên mạng internet, nhận diện tài sản là CTMT trong các vụ án, vai trò của biện pháp hành chính đối với quá trình thực thi, và trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm.

(13) Xác định được các yếu tố tác động lên thực thi QTG đối với CTMT bao gồm chất lượng hệ thống pháp luật về QTG áp dụng lên CTMT; giá bản quyền và mức thu nhập của người sử dụng doanh thu của doanh nghiệp; nhận thức của chủ thể sử dụng CTMT và trình độ của chủ

thể tiến hành thực thi; hệ thống tổ chức đại diện cho các doanh nghiệp phần mềm; hợp tác quốc tế trong thực thi QTG đối với CTMT.

(14) Dựa trên các yếu tố tác động đó, luận án đã kiến nghị hoàn thiện các quy định của luật như: hoàn thiện các quy định về xác định phạm vi bảo hộ QTG đối với CTMT, các kiến nghị về biện pháp thực thi, kiến nghị về áp dụng trong thực tiễn liên quan mã nguồn mở, về thỏa thuận giá bản quyền, về hợp tác với các tổ chức quốc tế và các quốc gia để trao đổi học hỏi kinh nghiệm trong thực thi QTG đối với CTMT.

Làm thế nào để Nhà nước có thể ban hành các quy định về QTG đủ linh hoạt để đối phó với sự thay đổi của các công nghệ mới không lường trước được trong khi vẫn giữ được sự rõ ràng về pháp lý là một câu hỏi không đơn giản để trả lời. Với những nghiên cứu về bảo hộ QTG đối với CTMT NCS hi vọng luận án sẽ giải quyết được một số bất cập còn tồn tại và mở ra những cơ hội cho các nhà phát triển CTMT tận dụng những quyền hợp pháp của mình để tạo ra những ứng dụng mới hơn, tiến bộ hơn.

### **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC CÔNG BỐ**

**1-** Trương Thị Tường Vi (2018) Sự cần thiết hoàn thiện các quy định pháp lý về Quyền tác giả đối với Chương trình máy tính ở Việt Nam, Tạp Chí Dân Chủ Và Pháp Luật, số Tháng 5/2018, ISSN 9866-7535.

**2-** Trương Thị Tường Vi (2020), Thực trạng quyền bảo vệ sự toàn vẹn chương trình máy tính- một số kiến nghị nhằm hoàn thiện luật, Tạp Chí Đại học Sài Gòn, số Tháng 4/2020, ISSN 1859-3208.

**3-** Trương Thị Tường Vi (2020), Một số vấn đề pháp lý về sáng chế liên quan đến chương trình máy tính, Tạp chí Pháp luật và phát triển, số Tháng 11&12/2020, ISSN 0866-7500.

**4-** Nguyễn Đình Huy, Trương Thị Tường Vi (2021), Hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với chương trình máy tính tại Việt Nam, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, số 48 năm 2021, ISSN 2525-2666.